

Số: 1412/BC-UBND

Triệu Sơn, ngày 02 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Xây dựng Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021 - 2025

Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa có Công văn số 1917/SNN&PTNT-KL ngày 22/5/2020 về việc xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021 - 2025. UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả triển khai, thực hiện với những nội dung sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 2016-2020

1. Hiện trạng rừng và đất quy hoạch cho phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất

- Hiện trạng đất quy hoạch cho phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất:

Tổng diện tích đất có rừng: 4.489,52 ha trong đó:

+ Diện tích đất rừng phòng hộ: 1.240,85 ha.

+ Diện tích rừng sản xuất: 3.248,67 ha.

(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)

- Các nguồn lực về vốn, lao động hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp chủ yếu huy động từ người dân được giao đất, giao rừng.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016-2020

2.1. Bảo vệ và phát triển rừng

a, Bảo vệ rừng

Trong giai đoạn 2016-2020

- Diện tích rừng tăng lên: 335,35 ha.

- Diện tích rừng giảm đi: 321,09 ha

Nguyên nhân biến động tăng giảm diện tích rừng giai đoạn 2016-2020 chủ yếu do khai thác và trồng lại sau khai thác.

- Khoán bảo vệ rừng phòng hộ cho các hộ gia đình theo Quyết định 38/QĐ-TTg cho 131 hộ gia đình tại 03 xã Thái Hòa, Vân Sơn và Thị trấn Nưa với tổng diện tích giao khoán là 1.223,3 ha.

(Chi tiết có biểu 02, 03 kèm theo)

b, Phát triển rừng

Trong giai đoạn 2016-2020

- Diện tích trồng rừng tập trung, trồng lại sau khai thác: 875 ha.

- Số lượng cây trồng phân tán: 153.415 cây

(Chi tiết có biểu 04 kèm theo)

2.2. Nâng cao năng suất, chất lượng rừng

Trong giai đoạn 2016-2020

- Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng: 35.000 m³, Diện tích khai thác gỗ 875 ha
- Năng suất rừng trồng bình quân khi khai thác chính: 40m³/ha
- Sản lượng khai thác lâm sản ngoài gỗ: Luồng 225.000 cây, Nứa, vầu 359.000 tấn.

(Chi tiết có biểu 05 kèm theo)

2.3. Quản lý rừng bền vững

Trong những năm qua UBND huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Phương án quản lý rừng bền vững đã được xây dựng hằng năm; 5 năm triển khai và thực hiện Phương án, trên địa bàn huyện đã quản lý, bảo vệ, phát triển tốt diện tích rừng được giao; không có điểm nóng về khai thác, cháy rừng, xâm lấn, phá rừng trái phép; đẩy mạnh công tác trồng, phát triển rừng trên địa bàn.

3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

3.1. Tồn tại hạn chế

Việc quản lý, phát triển quy hoạch 3 loại rừng trong những năm qua tuy đạt được những kết quả tốt tuy nhiên còn có một số khó khăn vướng mắc như:

- Chính sách của Nhà nước trong việc hỗ trợ cho người dân trong công tác quản lý, bảo vệ rừng đặc biệt là những hộ gia đình tham gia nhận khoán bảo vệ rừng phòng hộ chưa cao, chưa khích lệ được người dân trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR, nguy cơ dẫn đến cháy rừng, phát xâm lấn rừng vẫn còn tiềm ẩn.

- Nhận thức của một bộ phận người dân chưa cao, chưa đánh giá hết giá trị rừng trong đời sống và phát triển kinh tế dẫn đến chưa phát huy hết tiềm lực trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

3.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân chủ quan:

Cơ chế chính sách của Nhà nước chưa thu hút được người dân trong công tác bảo vệ và phát triển rừng; Nhận thức người dân chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội trong công tác bảo vệ, phát triển rừng.

- Nguyên nhân khách quan:

Diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn dàn trải, không tập trung, một số diện tích đất rừng nằm trên khu vực núi đá, đất quặng cromit nên khó trong việc phát triển trồng cây lâm nghiệp, chưa đem lại hiệu quả kinh tế.

II. Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025

1. Bảo vệ phát triển rừng

a, Bảo vệ rừng

- Bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích 4.489,52 ha đất rừng hiện có trên địa bàn trong đó:

- + Diện tích đất rừng phòng hộ: 1.240,85 ha.

- + Diện tích rừng sản xuất: 3.248,67 ha.

- Diện tích khoán bảo vệ rừng: 1.223,3 ha rừng phòng hộ.

(Chi tiết có biểu 06 kèm theo)

b, Phát triển rừng

- Trồng lại rừng sau khai thác diện tích 900 ha.
- Trồng cây phân tán 153.000 cây.

(Chi tiết có biểu 07 kèm theo)

2. Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng

- Năng suất rừng trồng bình quân: 36.000 m³
- Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng: 40 m³
- Sản lượng khai thác lâm sản ngoài gỗ: Luồng 246.000 cây, Nứa 420.000 tấn.

(Chi tiết có biểu 07 kèm theo)

3. Giải pháp thực hiện.

- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của công tác bảo vệ và phát triển rừng.
- Huy động các nguồn lực của xã hội vào công tác bảo vệ phát triển rừng, bổ sung các trang thiết bị để việc bảo vệ rừng đạt hiệu quả cao nhất.
- Tạo cơ chế chính sách để các thành phần kinh tế cùng tham gia công tác bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng trồng.
- Ứng dụng khoa học công nghệ trong trồng và phát triển cây lâm nghiệp tại địa phương cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao.
- Triển khai nhiều dự án trồng rừng cho năng suất cao, đầu tư, hỗ trợ, khuyến khích người dân tham gia phát triển kinh tế từ nghề trồng rừng.
- Sử dụng những giống cây cho năng suất cao vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế góp phần nâng cao đời sống cho người dân một cách bền vững.

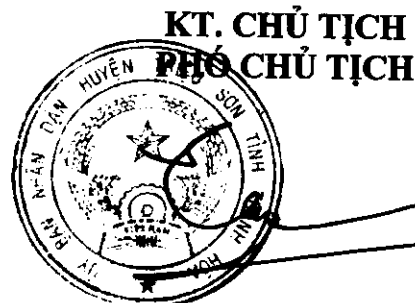
III. Kiến nghị đề xuất

- Công tác bảo vệ rừng: Tăng cường nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, tiếp tục đầu tư mua sắm các thiết bị cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng tại các địa phương.
- Công tác phát triển rừng: Có chính sách hỗ trợ đối với diện tích trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng đạt chuẩn FSC.

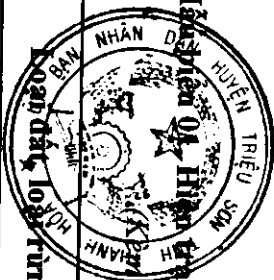
UBND huyện Triệu Sơn báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT, kính mong nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Sở./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT (báo cáo);
- Lưu: VT, NN.



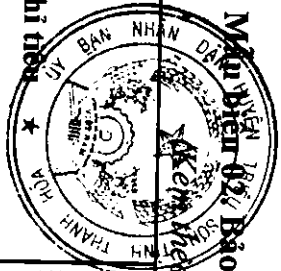
Lê Xuân Dương



Mã số: 04. Hiện trạng rừng và đất quy hoạch cho phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất tại thời điểm 31/12/2019
 theo Báo cáo số 419 /BC-UBND Ngày 02/6/2020 của UBND huyện Triệu Sơn)

BVT: ha

TT	Loại đất, loại rừng	Tổng diện tích	Trong đó:			Ghi chú
			Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
1	2	3	4	5	6	7
1	Diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp (đất có rừng và đất trống theo diện biến 2019)	4.489,52		1.240,85	3.248,67	
2	Diện tích có rừng năm 2019 (tính đến 31/12/2019)	4.489,52		1.240,85	2.729,37	
a	Rừng tự nhiên	987,21		987,21		
b	Rừng trồng	3.502,31		253,64	2.729,37	

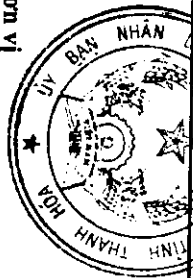


Mẫu biểu 02 Báo vệ diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo mới trong giai đoạn 2016-2020
 Báo cáo số 1412/BC-UBND Ngày 02/6/2020 của UBND huyện Triệu Sơn

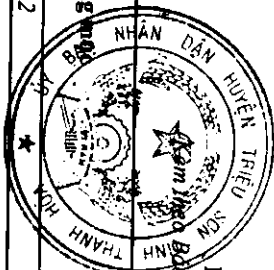
TT	Chi tiết	Đơn vị tính	Tổng diện tích	Giai đoạn 2016-2020										So sánh 2 giai đoạn (Tăng/giảm)
				Ước giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		Giai đoạn 2011-2015			
										Đến 31/5	Ước cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13 = (12)-(5)		
1	Diện tích rừng tăng lên	ha		335,35	9,3	68,45	96,67	160,93	0	0				
	Do trồng rừng	ha		259,77	9,3	68,45	89,54	160,93						
	Do khoanh nuôi tái sinh	ha		7,13			7,13							
2	Diện tích rừng giảm đi	ha		321,09	90,95	0	181,22	48,92	0	0				
	Do khai thác theo kế hoạch	ha		321,09	90,95		181,22	48,92						
	Do thiên tai, dịch bệnh	ha		0										
	Do bị khai thác trộm	ha		0										
	Do cháy rừng	ha		0										
	Do nguyên nhân khác (ghi rõ)	ha		0										
3	Số vụ vi phạm các quy định của pháp luật về BV&PTR.	Vụ												

Ghi chú: Số liệu năm 2020 hiện đang thực hiện cập nhật, chưa có số liệu
 Số liệu 2011-2015 không thực hiện cập nhật

Mã số điện 03b. Kết quả khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2016-2020 của huyện Triệu Sơn
 (Kèm theo Báo cáo số 1419 /BC-UBND Ngày 02/6/2020 của UBND huyện Triệu Sơn)



TT	Đơn vị	Mức độ khó khăn của xã: thường	Rừng phòng hộ					Khoanh nuôi		
			Đối tượng nhận khoán theo QĐ 38/QĐ-TTg	Đối tượng nhận khoán, hỗ trợ theo ND 75/2015/NĐ-CP	Đối tượng nhận khoán theo QĐ 120/QĐ-TTg	Diện tích (ha)	Số hộ nhận	Diện tích (ha)	Số hộ nhận	
1	2	3	14	15	16	17	18	19	25	26
			Tổng cộng							
I	Năm 2020 chi tiết theo xã (ước thực hiện)									
	Diện tích đã giao Ban quản lý rừng phòng hộ Triệu Sơn		1.223,3							
	Thị trấn Nưa		551,5							
	Xã Thái Hòa		337,1							
	Xã Vân Sơn		334,7			63				
II	Giai đoạn 2016-2020 chi tiết theo chủ sở hữu									
1	Năm 2016									
	Diện tích đã giao Ban quản lý rừng phòng hộ Triệu Sơn		1.031,0							
2	Năm 2017									
	Diện tích đã giao Ban quản lý rừng phòng hộ Triệu Sơn		1.031,0			86				
3	Năm 2018									
	Diện tích đã giao Ban quản lý rừng phòng hộ Triệu Sơn		1.031,0			86				
4	Năm 2019									
	Diện tích đã giao Ban quản lý rừng phòng hộ Triệu Sơn		1.223,3			131				
5	Năm 2020 (Ước thực hiện)									
	Diện tích đã giao Ban quản lý rừng phòng hộ Triệu Sơn		1.223,3			131				



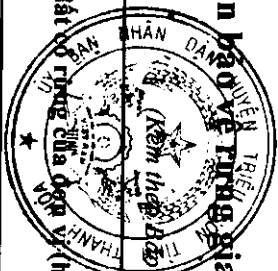
Mẫu biểu 04. Kết quả phát triển rừng giai đoạn 2016-2020
 Báo cáo số 1412/BC-UBND Ngày 02/6/2020 của UBND huyện Triệu Sơn

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Trồng rừng	ha	4	5	6	7	8	9
-	Đặc dụng	ha						
-	Phòng hộ	ha						
-	Sản xuất	ha						
+	Trồng mới	ha						
+	Trồng lại rừng sau khai thác chính	ha	875	20	350	150	205	150
2	Trồng cây phân tán	cây	153.415	25.000	35.965	31.000	31.000	30.450

Mẫu biểu 05. Kết quả nâng cao năng suất, chất lượng rừng 2016-2020
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND Ngày /6/2020 của UBND huyện Triệu Sơn)

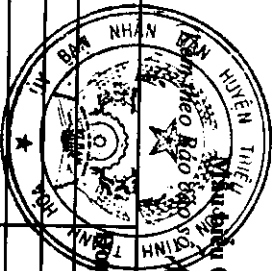
TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng;	m ³	4	5	6	7	8	9
	Cây keo lai	m ³	35.000	800	14.000	6.000	8.200	6.000
	Loại cây B	m ³						
	Loại cây C	m ³						
2	Diện tích khai thác gỗ	ha						
	Cây keo lai	ha	875	20	350	150	205	150
	Loại cây B	ha						
	Loại cây C	ha						
3	Năng suất rừng trồng bình quân khi khai thác chính	m ³ /ha						
	Cây keo lai	m ³ /ha	200	40	40	40	40	40
	Loại cây B	m ³ /ha						
	Loại cây C	m ³ /ha						
4	Sản lượng khai thác lâm sản ngoài gỗ chủ yếu							
	Luồng	nghìn cây	225000	37000	43000	47000	48000	50000
	Nửa vầu	tán	359000	62000	67000	72000	78000	80000
	Quế	tán						
	...							

Mẫu biểu 06a. Kế hoạch khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2021-2026 của các Chủ rừng nhà nước (Ban quản lý rừng phòng hộ Triệu Sơn)



Cáo số 1412 /BC-UBND Ngày 01/6/2020 của UBND huyện Triệu Sơn

TT	Đơn vị	Diện tích đất sử dụng (ha)								Kế hoạch khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2021-2026		CT Phát triển lâm nghiệp bền vững					
		Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng đặc dụng (ha)	Rừng Phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên giàu, trung bình (ha)	Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên (ha)	Khoanh nuôi (ha)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng																
1	Năm 2021																
	Huyện Triệu Sơn			253,64	987,21	3248,67							1.223,3				
2	Năm 2022																
	Huyện Triệu Sơn			253,64	987,21	3248,67							1.223,3				
3	Năm 2023																
	Huyện Triệu Sơn			253,64	987,21	3248,67							1.223,3				
4	Năm 2024																
	Huyện Triệu Sơn			253,64	987,21	3248,67							1.223,3				
5	Năm 2025																
	Huyện Triệu Sơn			253,64	987,21	3248,67							1.223,3				



Mẫu biểu 07. Kế hoạch phát triển rừng giai đoạn 2021-2025
 /BC-UBND Ngày 02/6/2020 của UBND huyện Triệu Sơn

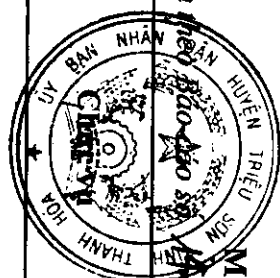
TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Trồng rừng	ha	4	5	6	7	8	9
-	Đặc dụng	ha						
-	Phòng hộ	ha						
-	Sản xuất	ha						
+	Trồng mới	ha						
+	Trồng lại rừng sau khai thác chính	ha	900	150	200	150	150	250
2	Trồng cây phân tán	cây	153.000	30.000	30.000	31.000	31.000	31.000

Mẫu biểu 08. Kế hoạch khai thác 2021-2025
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND Ngày /6/2020 của UBND huyện Triệu Sơn)

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng:	m ³	4	5	6	7	8	9
	Cây keo lai	m ³	36.000	6.000	8.000	6.000	6.000	10.000
	Loại cây B	m ³						
	Loại cây C	m ³						
2	Diện tích khai thác gỗ	ha						
	Cây keo lai	ha	900	150	200	150	150	250
	Loại cây B	ha						
	Loại cây C	ha						
3	Năng suất rừng trồng bình quân khi khai thác chính	m ³ /ha						
	Cây keo lai	m ³ /ha	200	40	40	40	40	40
	Loại cây B	m ³ /ha						
	Loại cây C	m ³ /ha						
4	Sản lượng khai thác lâm sản ngoài gỗ chủ yếu	nghìn cây	246000	48000	49000	49000	50000	50000
	Nứa vầu	tấn	420000	80000	80000	85000	85000	90000
	Quế	tấn						
	...							

Mẫu biểu 09. Cung cấp thông tin liên lạc

(Kèm theo Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 02/6/2020 của UBND huyện Triệu Sơn)



TT	Đơn vị	Họ tên	Điện thoại	Email	
1	UBND huyện Triệu Sơn	Trưởng phòng nông nghiệp/kinh tế	Lã Văn Lâm	914.255.834	lam.nts@gmail.com
		Phó phòng phụ trách lâm nghiệp	Nguyễn Ngọc Quang	945.138.338	nguyennngocquangnmpnt@gmail.com
		Cán bộ tổng hợp	Nguyễn Minh Hào	974.850.686	haoklth@gmail.com

Ghi chú: Các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin liên lạc để tiện kiểm tra, đối chiếu số liệu